



Mã số/ Code: DV151411131/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ : CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ PHẠM ĐÌNH
Customer's Name
- Địa chỉ/ : 50 Nguyễn Thái Sơn, Phường Hạnh Thông, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address
- Tên mẫu thử/ : Trà Sơn La - Trà khô
Name of Sample
- Mô tả mẫu/ : Mẫu đựng trong bao bì kín; khối lượng: 500g/túi; số lượng: 01 túi
Sample Description
- Ngày nhận mẫu/ : 21/01/2026
Date sample received
- Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu
Sample retention time
- Ngày thử nghiệm/ : 21/01/2026-05/02/2026
Date of test
- Ngày trả kết quả/ : 05/02/2026
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
2	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
3	Arsen (As)	mg/kg	< LOQ = 0,15	TCVN 10912:2015
4	Chì (Pb)	mg/kg	< LOQ = 0,08	TCVN 10912:2015
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	< LOQ = 0,03	TCVN 10912:2015
6	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
7	Profenofos	mg/kg	< LOQ = 0,03	VNT.H.03.Fo.396
8	Hàm lượng chiết trong nước, % khối lượng	g/100g	45,92	TCVN 5610:2007
9	Tro tổng số, % khối lượng *	g/100g	6,57	TCVN 5611:2007
10	Hàm lượng tro tan trong nước, % khối lượng tro tổng số	%	51,14	TCVN 5611:2007 & TCVN 5084:2007

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV151411131/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
11	Độ kiềm của tro tan trong nước (tính theo KOH), % khối lượng *	%	2,03	TCVN 5085:1990
12	Tro không tan trong acid, % khối lượng *	g/100g	KPH (LOD = 0,03)	TCVN 5612:2007
13	Xơ thô, % khối lượng	%	8,04	TCVN 5714:2007
14	Catechin tổng số, % khối lượng	g/100g	16,57	VNT.H.03.Fo.446 (2025)
15	Polyphenol tổng số, % khối lượng *	g/100g	20,51	TCVN 9745-1:2013
16	Tỷ lệ của catechin tổng số và polyphenol tổng số, % khối lượng	-	0,81	TCVN 9745-1:2013 VNT.H.03.Fo. 446
17	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	1,4x10 ²	TCVN 4884-1:2015
18	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010
19	Coliforms *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007
20	<i>E. coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008
21	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005
22	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.